Signature Not Verified
Được ký bởi NGUYỄN NGỌC THẢO
Ngày ký: 27.10.2017 10:49

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI HÓC MÔN
53/1D Lý Thường Kiệt, Thị Trấn Hóc Môn, Huyện Hóc Môn, TP.HCM

Mẫu số B 02 - DN
Ban hành theo QĐ số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chánh

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT
QUÝ III - NĂM 2017

Đơn vị tính : đồng Việt Nam

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Kỳ này		Lũy kế từ đầu năm đến quý này	
			Quý III - 2017	Quý III - 2016	Năm 2017	Năm 2016
1	2	3	4	5	6	7
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	**01**	**VI.1**	**200.386.597.038**	**487.157.531.910**	**1.287.182.208.169**	**1.078.717.657.390**
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.2	1.405.594	1.951.048	4.237.761	6.020.978
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ *(10 = 01 -02)*	**10**		**200.385.191.444**	**487.155.580.862**	**1.287.177.970.408**	**1.078.711.636.412**
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.3	170.760.439.259	457.901.383.423	1.204.844.326.653	1.000.803.134.386
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ *(20 = 10 -11)*	**20**		**29.624.752.185**	**29.254.197.439**	**82.333.643.755**	**77.908.502.026**
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.4	2.925.325.658	13.015.482.777	8.766.864.869	17.033.874.864
7. Chi phí tài chính	22	VI.5	877.832.421	204.885	1.529.881.094	3.594.411
Trong đó : Chi phí lãi vay	*23*		*779.527.033*	*0*	*1.404.984.330*	*2.280.000*
8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	24		(225.536.565)	(204.281.377)	(627.315.552)	(439.625.723)
9. Chi phí bán hàng	25	VI.8.1	10.412.700.048	8.544.335.791	28.229.770.383	25.206.497.037
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.8.2	11.651.288.343	11.150.458.690	25.816.326.536	23.291.731.305
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh *{30 = (20 + (21 - 22)+24 - (25 + 26)}*	**30**		**9.382.720.466**	**22.370.399.473**	**34.897.215.059**	**46.000.928.414**
12. Thu nhập khác	31	VI.6	12.622.422	37.514.451.622	782.873.550	40.054.529.585
13. Chi phí khác	32	VI.7	0	11.133.719.803	2.500.000	11.349.740.342
14. Lợi nhuận khác *(40 = 31 -32)*	40		12.622.422	26.380.731.819	780.373.550	28.704.789.243
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế *(50 = 30 +40)*	**50**		**9.395.342.888**	**48.751.131.292**	**35.677.588.609**	**74.705.717.657**
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.10	1.891.531.374	8.279.085.793	7.188.097.819	13.428.615.367
17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	VI.11	45.107.313	40.859.096	125.463.110	79.441.940
18. Lợi nhuận sau thuế TNDN *(60 = 50 - 51 -52)*	**60**		**7.458.704.201**	**40.431.186.403**	**28.364.027.680**	**61.197.660.350**
19. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của công ty mẹ	61		7.458.704.201	40.431.186.403	28.364.027.680	61.197.660.350
20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		0	0	0	0
20. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (*)	**70**		**549**	**3.022**	**2.113**	**6.638**
21. Lãi suy giảm trên cổ phiếu (*)	**71**					

Lập ngày 27 tháng 10 năm 2017

Người lập biểu	Kế toán trưởng	K.T. Tổng Giám đốc Phó Tổng Giám đốc
NGUYỄN THỊ THU VÂN	PHAN THỊ HỒNG PHÚC	NGUYỄN NGỌC THẢO *(Chữ ký được ủy quyền)*